

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20/3/2020

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Thanh;

Ông Nguyễn Thiện Hoàn;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/02/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Ngọc S, sinh năm: 1993; (Vắng mặt)

Cư trú: Tổ 3, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Vũ L, sinh năm: 1992; (Vắng mặt)

Cư trú: 157, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 26/09/2019 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Huỳnh Ngọc S trình bày: Hôn nhân của bà với ông Nguyễn Vũ L do mai mối và được gia đình đồng ý nên tiến đến hôn nhân, tổ chức đám cưới vào năm 2014 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 091/2014, quyển số: 01/2014 ngày 21/5/2014.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến tháng 5/2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, ông L trong thời gian đi mua bán có quen người phụ nữ khác, bà phát hiện và khuyên ngăn ông L không được qua lại nhưng ông L không nghe. Gia đình chồng biết được khuyên ngăn ông L nhưng ông L vẫn không thay đổi. Từ đó làm cho tình cảm

giữa bà và ông L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và bà không thể tiếp tục chung sống với ông L nên đã ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 13/9/2015 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 27/11/2017, hiện bà đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi hai con chung, yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000 đồng/con chung cho đến khi các cháu trưởng thành và tự lập.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông L theo quy định nhưng ông L vắng mặt, để đảm bảo quyền lợi của ông L, Tòa án có đến nhà của ông để ghi nhận ý kiến nhưng không gặp ông L nên không thể ghi nhận ý kiến.

Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để các bên tiếp cận nhưng ông L vắng mặt, bà S chấp nhận với chứng cứ mà mình đã nộp cho Tòa án, không bổ sung thêm.

Để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, Tòa án đã thực hiện thủ tục thu thập chứng cứ là xác minh tình trạng mâu thuẫn vào ngày 05/02/2020, được bà Lê Kim P, bà Nguyễn Thị M cho biết hôn nhân giữa bà S và ông L là do mai mối, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống cả hai thường hay phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do L khi đi mua bán có quen người phụ nữ khác, không quan tâm bà S gia đình hai bên có khuyên ngăn nhưng không nghe, vẫn tiếp tục đi theo người phụ nữ đó. Hiện nay hai bên đã không còn chung sống từ năm 2019 cho đến nay. Con chung có 02 cháu như bà S trình bày, tài sản chung và nợ chung các bà không biết.

Bà S vẫn bảo lưu ý kiến và có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để nghe xét xử nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bà S, ông L theo thủ tục chung.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi; thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân của bà S và ông L có mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu nhưng hai bên không có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà S theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 13/9/2015 và cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 27/11/2017. Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của các cháu sau này được tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S là giao các cháu lại cho bà S được tiếp tục nuôi dạy.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Linh phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Do bà S không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Ngọc S khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Vũ L. Ông L có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà S vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt bà S, ông L theo Điều 227, Điều 288 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà S và ông L có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà S ly hôn với ông L cho thấy: Trong đời sống hôn nhân thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, không quan tâm đến vợ con, không hòa hợp tính tình và cả trong quan hệ vợ chồng. Bà S và gia đình chồng cũng nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông L không sửa đổi nên sống ly thân từ tháng 7/2019 đến nay.

Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng mâu thuẫn giữa bà S và ông L được biết cuộc sống vợ chồng bà S đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng. Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông L không đến dự.

Bà S vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông L. Cho thấy, hôn nhân của bà S và ông L đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu xin ly hôn của bà S là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Hiện nay cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 13/9/2015 và cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 27/11/2017 đang sống chung với bà S. Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của các cháu sau này được tốt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S, giao hai con chung cho bà S được tiếp tục nuôi dạy.

Về cấp dưỡng: Bà S yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000 đồng/con chung.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn cha hoặc mẹ là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà S là có căn cứ.

Trong quá trình hòa giải và xét xử ông L vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông L về việc cấp dưỡng nuôi con chung và mức cấp dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cũng như cuộc sống ổn định của con chung cần buộc ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Theo quy định của pháp luật thì mức cấp dưỡng thấp nhất không được thấp hơn $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở hiện hành. Hiện nay mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng/tháng nên áp dụng mức $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở là 745.000 đồng/tháng/con chung, để buộc ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho các đương sự biết:

Bà S cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà S và ông L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc S.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Ngọc S được ly hôn với ông Nguyễn Vũ L.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 091/2014, quyển số 01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Bà S được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 13/9/2015 và cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 27/11/2017.

Buộc ông Nguyễn Vũ L phải cấp dưỡng nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 13/9/2015 và cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 27/11/2017 mỗi tháng 745.000 (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng/con chung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N, cháu K đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để tự nuôi mình.

Bà S cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên

các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Về án phí: Bà Huỳnh Ngọc S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0011645 ngày 03/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Ông L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện A (2);
- Chi cục THADS huyện A (1);
- Lưu văn phòng (1);
- Các đương sự;
- UBND xã P (1);
- Lưu hồ sơ (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Sang